



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Cao đẳng - Đợt 2-Tháng 07/2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HĐHV, ngày 08/08/2022 của Chủ tịch Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/03/2017 về việc quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 03 tháng 08 năm 2023 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp 20 (Hai mươi) bằng Cử nhân thực hành Dịch vụ thương mại hàng không, 10 (Mười) bằng Cử nhân thực hành Kiểm tra an ninh hàng không, 01 (Một) bằng Kỹ sư thực hành Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay; 02 (Hai) bằng Kỹ sư thực hành Kỹ thuật điện tử tàu bay; 02 (Hai) bằng Kỹ sư thực hành Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông, 23 (Hai mươi ba) bằng Kỹ sư thực hành Kiểm soát không lưu cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Cao đẳng - Đợt 2-Tháng 07/2023 (Theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;

- Lưu VT,ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM
TS. Nguyễn Thanh Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - ĐỢT 2-Tháng 07/2023**

(Đính kèm quyết định số: 693 /QĐ-HVHKVN ngày 07 / 08 /2023)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1813120022	Vũ Đức	Duy	24/09/2000	18CĐĐV01	2.27	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông
2	1913120015	Đào Lê Hồng	Lụa	15/10/2001	19CĐĐV01	2.16	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông
3	1811150028	Vũ Thuỳ	Linh	06/01/2000	18CĐTM01	2.55	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
4	1811150008	Tạ Lê Thảo	Vy	10/10/2000	18CĐTM01	2.6	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
5	1811150064	Lê Thị Ngọc	Ánh	01/01/2000	18CĐTM02	2.31	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
6	1811150074	Huỳnh Xuân	Hào	27/07/2000	18CĐTM02	3.41	Giỏi	Dịch vụ thương mại hàng không
7	1811150076	Nguyễn Thị Hạnh	Huyền	26/01/2000	18CĐTM02	2.45	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
8	1811150091	Lê Thị Diễm	My	05/07/2000	18CĐTM02	2.28	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
9	1811150085	Phí Ngọc Nguyên	Thiện	06/03/1999	18CĐTM02	2.07	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
10	1811150067	Nguyễn Trương Hoàng	Vy	09/01/2000	18CĐTM02	2.12	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
11	1811150124	Phạm Ngọc Vi	Kha	03/11/2000	18CĐTM03	2.62	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
12	1811150101	Nguyễn Hoàng Phương	Nhi	01/04/2000	18CĐTM03	2.16	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
13	1911150010	Lê Thị Kiều	Linh	09/03/2000	19CĐTM01	2.89	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
14	1911150190	Đặng Đăng	Triều	11/02/1998	19CĐTM01	2.84	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
15	1911150118	Lại Thảo	Nhi	12/10/2001	19CĐTM03	2.35	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
16	2011150031	Huỳnh Ngọc Gia	Nghi	05/03/2002	20CĐTM01	3.06	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
17	2011150053	Trần Quý	Văn	02/02/2000	20CĐTM02	3.06	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
18	2011150131	Nguyễn Quỳnh Tâm	Đoan	09/05/2001	20CĐTM03	2.73	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
19	2011150137	Ngô Kiến	Ninh	07/11/2002	20CĐTM03	2.54	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
20	2011150114	Vũ Thanh	Thảo	05/05/2002	20CĐTM03	2.16	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
21	2011150107	Phạm Đỗ Anh	Tuấn	18/10/2002	20CĐTM03	2.99	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
22	2011150106	Đinh Ngọc Minh	Tuyền	25/12/2002	20CĐTM03	2.93	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
23	1811210048	Nguyễn Thùy	Dương	03/11/2000	18CĐKL01	2.4	Trung bình	Kiểm soát không lưu
24	1811210007	Đoàn Tiến	Mạnh	23/03/2000	18CĐKL01	2.11	Trung bình	Kiểm soát không lưu
25	1911210008	Lê Nguyễn Ngọc	Huyền	28/11/2001	19CĐKL01	2.92	Khá	Kiểm soát không lưu
26	1911210034	Nguyễn Thanh	Khánh	01/01/2000	19CĐKL01	2.64	Khá	Kiểm soát không lưu
27	1911210014	Trần Thảo	Trang	17/03/2001	19CĐKL01	2.74	Khá	Kiểm soát không lưu
28	2011210002	Nghiêm Thị Hải	Anh	14/06/2002	20CĐKL01	3.37	Giỏi	Kiểm soát không lưu
29	2011210047	Nguyễn Đức	Anh	16/04/2000	20CĐKL01	3.21	Giỏi	Kiểm soát không lưu
30	2011210044	Lâm Tấn	Công	14/04/1992	20CĐKL01	3.04	Khá	Kiểm soát không lưu
31	2011210010	Nguyễn Minh	Dũng	22/11/1999	20CĐKL01	3.38	Giỏi	Kiểm soát không lưu
32	2011210038	Trần Mai	Hương	15/12/2002	20CĐKL01	2.69	Khá	Kiểm soát không lưu
33	2011210020	Nguyễn Đỗ Thu	Hường	31/05/2002	20CĐKL01	3.31	Giỏi	Kiểm soát không lưu
34	2011210016	Nguyễn Thị	Hường	17/04/2001	20CĐKL01	3.02	Khá	Kiểm soát không lưu
35	2011210024	Ngô Đăng	Khoa	09/10/2002	20CĐKL01	2.44	Trung bình	Kiểm soát không lưu
36	2011210013	Lê Hải	Minh	01/11/2002	20CĐKL01	3.38	Giỏi	Kiểm soát không lưu
37	2011210040	Nguyễn Anh	Nguyên	24/05/2002	20CĐKL01	2.84	Khá	Kiểm soát không lưu
38	2011210046	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	10/09/2002	20CĐKL01	2.77	Khá	Kiểm soát không lưu
39	2011210042	Nguyễn Trần Linh	Nhi	03/08/2002	20CĐKL01	3.42	Giỏi	Kiểm soát không lưu
40	2011210005	Huỳnh	Như	17/04/2002	20CĐKL01	2.96	Khá	Kiểm soát không lưu
41	2011210003	Đinh Ngọc	Tiến	03/09/1997	20CĐKL01	3.62	Xuất sắc	Kiểm soát không lưu
42	2011210031	Đào Thị Hà	Trang	12/08/2002	20CĐKL01	2.94	Khá	Kiểm soát không lưu
43	2011210012	Nguyễn Mạnh Hà	Trang	22/03/2002	20CĐKL01	3.57	Giỏi	Kiểm soát không lưu
44	2011210029	Đoàn Phạm Quốc	Việt	23/10/2002	20CĐKL01	2.52	Khá	Kiểm soát không lưu
45	2011210032	Phạm Huy	Vũ	20/05/2002	20CĐKL01	2.89	Khá	Kiểm soát không lưu
46	1811010043	Trần Lê Nguyệt	Ánh	08/10/2000	18CĐAN01	2.39	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
47	1811010045	Nguyễn Chí	Cương	09/01/2000	18CĐAN01	2.08	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
48	1811010039	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	01/12/2000	18CĐAN01	2.43	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
49	1811010049	Bùi Thanh	Thảo	28/10/2000	18CĐAN01	2.14	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
50	1911010030	Nguyễn Thị Thu	Hoa	01/10/2001	19CĐAN01	2.42	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
51	1911010043	Trương Văn	Vũ	16/03/2001	19CĐAN01	2.45	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
52	2011010020	Lê Thị Thanh	Hào	14/09/2002	20CĐAN01	2.54	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
53	2011010003	Lê Trung	Hậu	09/08/2000	20CĐAN01	2.57	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
54	2011010015	Lê Diên	Huy	19/12/2002	20CĐAN01	2.86	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
55	2011010016	Nghiêm Thanh	Mẫn	03/11/2002	20CĐAN01	3.08	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
56	2010000044	Phạm Lê Minh	Công	20/01/2002	20CĐCK01	2.39	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
57	1812090023	Phí Đình	Chiến	16/04/1999	18CĐĐT01	2.27	Trung bình	Kỹ thuật điện tử tàu bay
58	1912090007	Đỗ Văn	Hào	22/09/2001	19CĐĐT01	2.04	Trung bình	Kỹ thuật điện tử tàu bay

Tổng cộng danh sách này có **58** sinh viên được công nhận tốt nghiệp.

